|  |  |
| --- | --- |
| **TRUNG TÂM: GDNN – GDTX QUẬN 12****TỔ : GDTX – MÔN TOÁN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

 **MÔN: TOÁN - KHỔI LỚP 10**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 65; Số học sinh: 3200; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: KHÔNG**

**2. Tình hình đội ngũ:**

* + **Số giáo viên:12**;
	+ **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: **00** GV; Đại học: **12** GV; Trên đại học: **03** GV
	+ **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt: **12** GV; Khá: **00** GV; Đạt: **00** GV; Chưa đạt: **00** GV

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Máy tính có cài phần mềm ứng dụng Toán Geogebra | 12 | Vẽ được một số hình biểu diễn trong Toán học:Vẽ đồ thị hàm số bậc hai, sử dụng đồ thị để tạo các hình ảnh hoa văn.* Biểu thị điểm, vectơ, các phép toán vectơ trong hệ trục tọa độ Oxy.
* Vẽ ba đường Conic.
* Thực hành sử dụng phần mềm để tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm và đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm.
* Thực hành sử dụng phần mềm để tính xác suất theo định nghĩa cổ điển.
 |  |
| 2 | Bộ dụng cụ vẽ trên bảng: compa, thước thẳng, thước eke,… | 5 | Thực hành vẽ trên bảng |  |
| 3 | Projector | 30 | Trình chiếu bài giảng |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng học  | 43 | Sử dụng để giảng dạy |  |
| 2 | Phòng nghe nhìn | 3 | Sử dụng để giảng dạy, thao giảng, nghiên cứu khoa học… |  |
| 3 | Sân trường | 1 | Thực hành đo độ cao dựa vào hệ thức lượng trong tam giác vuông, tỉ số lượng giác. |  |

**II. Kế hoạch dạy học:**

**1. Phân phối chương trình**

**Bảng 2.5. Phân phối chương trình môn Toán khối lớp 10**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đại số và****Một số yếu tố Giải tích** | **Hình học** **và Đo lường** | **Thống kê** **và Xác suất** | **Thực hành** **và HĐ trải nghiệm** | **KTĐK** | **Tổng** |
| (%) | Số tiết | (%) | Số tiết | (%) | Số tiết | (%) | Số tiết |  |  |
| **44%** |  | **36%** |  | **16%** |  | **4%** |  |  |  |
| Số tiết HKI | 22 | Số tiết HKI | 18 | Số tiết HKI | 8 | Số tiết HKI | 2 | 4 | **54** |
| Số tiết HKII | 20 | Số tiết HKII | 17 | Số tiết HKII | 8 | Số tiết HKII | 2 | 4 | **51** |

* **KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**: HKI (4 tiết) và HKII (4 tiết)

**Cả năm: 35 tuần (105 tiết);**

**Trong đó: Học kì 1: 18 tuần (54 tiết); Học kì 2: 17 tuần (51 tiết)**

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH HỌC KỲ I**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **ĐẠI SỐ, XÁC SUẤT THỐNG KÊ** | **HÌNH HỌC PHẲNG, HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM** |
| **Chủ đề/ Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Chủ đề/ Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **1** | **Chương 1: Mệnh đề và tập hợp**Bài 1: Mệnh đề | **1** | – Biết viết và phát biểu được các mệnh đề toán học, bao gồm: mệnh đề phủ định; mệnh đề đảo; mệnh đề tương đương; mệnh đề có chứa kí hiệu ; điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ.– Nhận biết được tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản. | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 1: Giá trị lượng giác của một góc từ 00 đến 1800 | **2** | – Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ  đến .– Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ  đến bằng máy tính cầm tay.– Nhận biết được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau.  |
|  |  |  | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 1: Giá trị lượng giác của một góc từ 00 đến 1800 | **3** | – Nhận biết được giá trị lượng giác của một góc từ  đến .– Tính được giá trị lượng giác (đúng hoặc gần đúng) của một góc từ  đến bằng máy tính cầm tay.– Nhận biết được hệ thức liên hệ giữa giá trị lượng giác của các góc phụ nhau, bù nhau.  |
| **2** | **Chương 1: Mệnh đề và tập hợp**Bài 2: Tập hợp | **4** | – Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu . | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 2: Định lý Côsin và định lý sin | **5** | – Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí côsin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác. |
|  |  |  | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 2: Định lý Côsin và định lý sin | **6** | – Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí côsin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác. |
| **3** | **Chương 1: Mệnh đề và tập hợp**Bài 2: Tập hợp | **7** | – Nhận biết được các khái niệm cơ bản về tập hợp (tập con, hai tập hợp bằng nhau, tập rỗng) và biết sử dụng các kí hiệu . | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 2: Định lý Côsin và định lý sin | **8** | – Giải thích được các hệ thức lượng cơ bản trong tam giác: định lí côsin, định lí sin, công thức tính diện tích tam giác. |
|  |  |  | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 3: Giải tam giác và ứng dụng thực tế | **9** | – Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...). |
| **4** | **Chương 1: Mệnh đề và tập hợp**Bài 3: Các phép toán trên tập hợp | **10** | – Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể. – Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp ( ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...). | **Chương 4: Hệ thức lượng trong tam giác**Bài 3: Giải tam giác và ứng dụng thực tế | **11** | – Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...). |
|  |  |  | **Bài tập cuối chương 4** | **12** |  |
| **5** | **Chương 1: Mệnh đề và tập hợp**Bài 3: Các phép toán trên tập hợp | **13** | – Thực hiện được phép toán trên các tập hợp (hợp, giao, hiệu của hai tập hợp, phần bù của một tập con) và biết dùng biểu đồ Ven để biểu diễn chúng trong những trường hợp cụ thể. – Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép toán trên tập hợp ( ví dụ: những bài toán liên quan đến đếm số phần tử của hợp các tập hợp,...). | **Bài tập cuối chương 4** | **14** |  |
|  |  |  | **Bài tập cuối chương 4** | **15** |  |
| **6** | **Bài tập cuối chương 1** | **16** | - Thực hiện các phép toán tập hợp | **Chương 5: vectơ**Bài 1: Khái niệm vectơ | **17** | – Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. – Mô tả được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ. |
|  |  |  | **Chương 5: vectơ**Bài 1: Khái niệm vectơ | **18** | – Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. – Mô tả được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ. |
| **7** | **Chương 2: Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn**Bài 1: Bất phương trình bậc nhất hai ẩn | **19** | – Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn.– Mô tả được miền nghiệm của bất phương trình hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ.– Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức  trên một miền đa giác,...). | **Chương 5: vectơ**Bài 2: Tổng và hiệu của hai vectơ | **20** | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tổng và hiệu hai vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. |
|  |  |  | **Chương 5: vectơ**Bài 2: Tổng và hiệu của hai vectơ | **21** | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tổng và hiệu hai vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. |
| **8** | **Chương 2: Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn**Bài 1: Bất phương trình bậc nhất hai ẩn | **22** | – Nhận biết được bất phương trình bậc nhất hai ẩn.– Mô tả được miền nghiệm của bất phương trình hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ.– Vận dụng được kiến thức về bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: bài toán tìm cực trị của biểu thức  trên một miền đa giác,...). | **Chương 5: vectơ**Bài 3: Tích của một số với một vectơ | **23** | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tích của một số với vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. |
|  |  |  | **Chương 5: vectơ**Bài 3: Tích của một số với một vectơ | **24** | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tích của một số với vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. |
| **9** | **Chương 2: Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn**Bài 2: Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn | **25** | – Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn.– Mô tả được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ.– Vận dụng được kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn  | **Chương 5: vectơ**Bài 4: Tích vô hướng của hai vectơ | **26** | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tích vô hướng của hai vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ. |
|  |  |  | **Chương 5: vectơ**Bài 4: Tích vô hướng của hai vectơ | **27** | – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tích vô hướng của hai vectơ) và mô tả được những tính chất hình học (ba điểm thẳng hàng, trung điểm của đoạn thẳng, trọng tâm của tam giác,...) bằng vectơ.– Sử dụng được vectơ và các phép toán trên vectơ để giải thích một số hiện tượng có liên quan đến Vật lí và Hoá học (ví dụ: những vấn đề liên quan đến lực, đến chuyển động,...).– Vận dụng được kiến thức về vectơ để giải một số bài toán hình học và một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định lực tác dụng lên vật,...). |
| **10** | **Chương 2: Bất phương trình và hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn**Bài 2: Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn | **28** | – Nhận biết được hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn.– Mô tả được miền nghiệm của hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn trên mặt phẳng toạ độ.– Vận dụng được kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn vào giải quyết bài toán thực tiễn  | **Bài tập cuối chương 5** | **30** | - Giải các bài toán về vectơ, các phép toán vectơ |
| **Bài tập cuối chương 2** | **29** | Giải hệ bất phương trình bậc nhất 2 ẩn |  |  |  |
| **11** | **Kiểm tra giữa HKI** | **31** |  |  |  |  |
| **Kiểm tra giữa HKI** | **32** |  |  |  |  |
| **Chương 6: Thống kê**Bài 1: Số gần đúng và sai số | **33** | – Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối.– Viết được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước.– Viết được sai số tương đối của số gần đúng.– Viết được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước.– Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng |  |  |  |
| **12** | **Chương 6: Thống kê**Bài 1: Số gần đúng và sai số | **34** | – Hiểu được khái niệm số gần đúng, sai số tuyệt đối.– Viết được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước.– Viết được sai số tương đối của số gần đúng.– Viết được số quy tròn của số gần đúng với độ chính xác cho trước.– Biết sử dụng máy tính cầm tay để tính toán với các số gần đúng |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 1: Hàm số và đồ thị | **35** | – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số.– Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...). |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 1: Hàm số và đồ thị | **36** | – Nhận biết được những mô hình thực tế (dạng bảng, biểu đồ, công thức) dẫn đến khái niệm hàm số. – Mô tả được các khái niệm cơ bản về hàm số: định nghĩa hàm số, tập xác định, tập giá trị, hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến, đồ thị của hàm số.– Mô tả được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số đồng biến, hàm số nghịch biến. – Vận dụng được kiến thức của hàm số vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xây dựng hàm số bậc nhất trên những khoảng khác nhau để tính số tiền y (phải trả) theo số phút gọi x đối với một gói cước điện thoại,...). |  |  |  |
| **13** | **Chương 6: Thống kê**Bài 2: Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ | **37** | Giải thích được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong nhiều ví dụ. |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 2: Hàm số bậc hai (Phần 1 và 2) | **38** | Tính được bảng giá trị của hàm số bậc hai. – Vẽ được Parabol là đồ thị hàm số bậc hai. |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 2: Hàm số bậc hai (Phẩn 3) | **39** | – Nhận biết được các tính chất cơ bản của Parabol như đỉnh, trục đối xứng.– Nhận biết và giải thích được các tính chất của hàm số bậc hai thông qua đồ thị. |  |  |  |
| **14** | **Chương 6: Thống kê**Bài 2: Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng và biểu đồ | **40** | Giải thích được số liệu không chính xác dựa trên mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn trong nhiều ví dụ. |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 2: Hàm số bậc hai (phần 4) | **41** | – Vận dụng được kiến thức về hàm số bậc hai và đồ thị vào giải quyết bài toán thực tiễn (ví dụ: xác định độ cao của cầu, cổng có hình dạng Parabol,...) |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 2: Hàm số bậc hai (bài tập) | **42** | Vẽ được Parabol là đồ thị hàm số bậc hai. |  |  |  |
| **15** | **Chương 6: Thống kê**Bài 3: Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu | **43** | – Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (median), tứ phân vị (quartiles), mốt (mode).– Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn.– Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. |  |  |  |
| **Chương 6: Thống kê**Bài 3: Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm của mẫu số liệu | **44** | – Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (median), tứ phân vị (quartiles), mốt (mode).– Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn.– Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. |  |  |  |
| **Chương 3: Hàm số bậc hai và đồ thị**Bài 2: Hàm số bậc hai (bài tâp) | **45** | Xác định hàm số bậc 2 |  |  |  |
| **16** | **Chương 6: Thống kê**Bài 4: Các số đặc trưng đo mức độ phân tán của mẫu số liệu | **46** | – Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn.– Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.– Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong - Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn. |  |  |  |
| **Chương 6: Thống kê**Bài 4: Các số đặc trưng đo mức độ phân tán của mẫu số liệu | **47** | – Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn.– Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.– Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong - Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn. |  |  |  |
| **Bài tập cuối chương 3** | **48** | - Bài tập đồ thị hàm số bậc 2 |  |  |  |
| **17** |  |  |  | **HĐTH&TN:** Bài 1: Dùng máy tính cầm tay để tính toán với số gần đúng và các số đặc trưng của mẫu số liệu thống kê | **49** | Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn và các chủ đề liên môn, chẳng hạn:– Thực hành một số hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường, ước lượng và tạo lập hình, như: tính số tiền phải trả khi đi taxi (theo giá của hãng, tuỳ theo các phương án đi: dưới 1km, từ 1 – 10km, từ 10 – 31km, trên 31km,...); đo đạc một vài kích thước của vật thể mà chúng ta không thể dùng dụng cụ để đo đạc trực tiếp (như: tính chiều cao của công trình kiến trúc có Parabol,...); giải thích một vài hiện tượng, quy luật trong Vật lí; thực hành vẽ, cắt hình (có dạng ellip, tròn,...). |
|  |  |  | **HĐTH&TN:** Bài 1: Dùng máy tính cầm tay để tính toán với số gần đúng và các số đặc trưng của mẫu số liệu thống kê | **50** | Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn và các chủ đề liên môn, chẳng hạn:– Thực hành một số hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường, ước lượng và tạo lập hình, như: tính số tiền phải trả khi đi taxi (theo giá của hãng, tuỳ theo các phương án đi: dưới 1km, từ 1 – 10km, từ 10 – 31km, trên 31km,...); đo đạc một vài kích thước của vật thể mà chúng ta không thể dùng dụng cụ để đo đạc trực tiếp (như: tính chiều cao của công trình kiến trúc có Parabol,...); giải thích một vài hiện tượng, quy luật trong Vật lí; thực hành vẽ, cắt hình (có dạng ellip, tròn,...). |
| **Bài tập cuối chương 3** | **51** | - Bài tập đồ thị hàm số bậc 2 |  |  |  |
| **18** | **Bài tập cuối chương 6** | **52** | - Xử lý bảng số liệu |  |  |  |
| **Kiểm tra học kỳ 1** | **53** |  |  |  |  |
| **Kiểm tra học kỳ 1** | **54** |  |  |  |  |

**HKII**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **ĐẠI SỐ** | **HÌNH HỌC PHẲNG** |
| **Chủ đề/ Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Chủ đề/ Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **19** |  |  |  |  |  |  |
| **20** |  |  |  |  |  |  |
| **21** |  |  |  |  |  |  |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
| Giữa Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 1 |  |  |  |  |
| Giữa Học kỳ 2 |  |  |  |  |
| Cuối Học kỳ 2 |  |  |  |  |

**III. Các nội dung khác (nếu có)**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ/NHÓM TRƯỞNG*(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày …,tháng…, năm 20…*GIÁM ĐỐC*(Ký và ghi rõ họ tên)* |
|  |  |
|  |  |

 **PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN MINH HỌA**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRUNG TÂM: GDNN – GDTX QUẬN 12****TỔ/NHÓM: GDTX – NHÓM TOÁN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2022 - 2023)

**1. Khối lớp: 10 ; Số học sinh: 1419**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Chủ đề******(1)*** | ***Yêu cầu cần đạt******(2)*** | ***Số tiết******(3)*** | ***Thời điểm******(4)*** | ***Địa điểm******(5)*** | ***Chủ trì******(6)*** | ***Phối hợp******(7)*** | ***Điều kiện thực hiện******(8)*** |
| 1 | Trải nghiệm phần mềm Geogebra  | Vẽ 3 đường Conic | 2 | Tuần 35 | Phòng máy vi tính | GVBM toán | GV tin học | Các phòng máy của trung tâm |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ/NHÓM TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…***GIÁM ĐỐC***(Ký và ghi rõ họ tên)* |